**9. Klasifikace žáků / Chấm điểm học sinh**

V České republice je pokrok žáků ve školních předmětech hodnocen **známkami**, **slovním hodnocením** nebo **kombinací** obou předchozích. Ke známkování se používá pětistupňová škála od 1 do 5, kdy 1 je nejlepší známka a 5 je nejhorší.

Rodiče se v průběhu školního roku dozvídají, jaké známky dostalo jejich dítě z **žákovské knížky**,z tzv. **elektronické žákovské knížky** nebo **jiného elektronického systému**. Ve škole se rodiče dozvědí, jak se přihlásit on-line, aby mohli pravidelně sledovat prospěch dítěte, ale také dozvědět se o změnách ve vyučování apod.

Tại CH Séc đánh giá sự tiến bộ của học sinh trong các môn học **bằng điểm, bằng lời** hoặc **kết hợp** cả hai cách nêu trên. Thăng đo điểm dùng năm con số từ 1 đến 5, 1 là điểm tốt nhất và 5 là điểm tồi nhất.

Trong quá trình của năm học phụ huynh sẽ được thông báo, những điểm mà con họ nhận được qua **sổ học bạ**, từ **sổ học bạ điện tử** hoặc **những hệ thống điện tử khác.** Tại trường phụ huynh sẽ được hướng dẫn cách đăng nhập trực tuyến, để họ có thể thường xuyên theo dõi thành tích của con mìnhvà cả những thay đổi trong việc giảng dạy, vv.

**Hodnocení na vysvědčení / Đánh giá vào bảng tổng kết điểm**

O prospěchu vypovídá také **vysvědčení**, které žáci dostanou během školního roku dvakrát – vždy na konci pololetí (konec 1. pololetí = konec ledna, konec 2. pololetí = konec června). Kromě známek z povinných a nepovinných předmětů je na vysvědčení hodnoceno i chování a celkový prospěch za celé pololetí.

Về thành tích học sinh được chứng minh bằng **bảng tổng kết điểm** , mà học sinh nhận được hai lần trong năm – luôn luôn vào cuối học kỳ (cuối học kỳ 1 = cuối tháng 1, cuối học kỳ 2 = cuối tháng 6). Ngoài điểm từ những môn học bắt buộc và không bắt buộc trong đó còn đánh giá hạnh kiểm và đánh giá tổng thể trong cả học kỳ.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stupně hodnocení** |  |  |
| **chování** | 1 – velmi dobré | 2 - uspokojivé | 3 - neuspokojivé | - | - |  |  |
| **povinné a nepovinné předměty** | 1 - výborný | 2 - chvalitebný | 3 – dobrý | 4 - dostatečný | 5 - nedostatečný |  |  |
| **celkové hodnocení** | prospěl(a) s vyznamenáním | prospěl(a) | neprospěl(a) | - | - |  |  |

Známky na vysvědčení jsou důležité kvůli tomu, že se prospěch za poslední dva roky základní školy uvádí na přihlášce na střední školu. Průměrný prospěch ze střední školy může hrát také roli jako jedno z kritérií u přijímacích zkoušek na vyšší odbornou školu a vysokou školu.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mức đánh giá** |  |  |
| **hạnh kiểm** | 1 – rất tốt | 2 – đạt yêu cầu | 3 – không đạt yêu cầu | - | - |  |  |
| **các môn học bắt buộc và không bắt buộc** | 1 – tuyệt vời | 2 – đáng khen | 3 – tốt | 4 – đủ điểm | 5 – không đủ điểm |  |  |
| **đánh giá tổng kết** | hoàn thành mức học sinh giỏi  | hoàn thành | chưa hoàn thành | - | - |  |  |

Điểm trên bảng tổng kết điểm quan trọng vì thành tích trong hai năm cuổi trường tiểu học sẽ được điền vào đơn đăng ký lên trung học. Điểm trung bình từ trường trung học cũng có thể đóng vai trò quan trọng như một trong những tiêu chí cho kỳ thi tuyển sinh vào trường cao đẳng và đại học.

**Přezkoušení, opravné zkoušky a opakování ročníku / Kiểm tra lại kiến thức, thi lại và học lại năm học**

Pokud mají rodiče pochybnosti o správnosti hodnocení na konci prvního nebo druhého pololetí, mohou nejpozději do 3 pracovních dnů od vydání vysvědčení písemně požádat ředitele školy o **přezkoušení** svého dítěte.

V případě špatného prospěchu se může stát, že na konci školního roku bude dítě hodnoceno známkou 5 (nedostatečný). V takovém případě žák ve škole nedostane vysvědčení, ale opis vysvědčení a je nutné, aby do konce srpna složil **opravnou zkoušku**. Opravné zkoušky lze skládat maximálně při dvou předmětech hodnocených známkou 5. Při třech a více nedostatečných je nutné **opakovat ročník**.

Na konci prvního pololetí nemusí být žák hodnocen na vysvědčení a to ani v náhradním termínu. Pokud by žák nebyl hodnocen na vysvědčení na konci 2. pololetí, znamenalo by to, že musí opakovat ročník.

Nếu phụ huynh nghi ngờ về tính chất chính xác trong việc chấm điểm con mình vào cuối học kỳ một hoặc học kỳ hai, họ có thể gửi đơn yêu cầu hiệu trưởng **kiểm tra lại** kiến thức con họ muộn nhất là ba ngày làm việc kể từ ngày phát bảng tổng kết điểm.

Trong trường hợp học sinh có thành tích sấu, và cuối năm học bị đánh giá điểm 5 (không đủ điểm). Trong trường hợp này học sinh sẽ không được nhận bảng tổng kết điểm mà chỉ được nhận bản sao bảng tổng kết điểm và cần thiết phải làm tốt **kỳ thi lại** vào cuối tháng 8. Kỳ thi lại chỉ được áp dụng nếu học sinh có điểm 5 trong hai môn học. Nếu không đủ điểm từ ba và nhiều môn học hơn học sinh cần phải **học lại năm học**.

Cuối học kỳ một học sinh không cần thiết phải được đánh giá vào bảng tổng kết điểm và cả thời gian thi lại. Nếu học sinh không được đánh giá vào bảng tổng kết điểm vào cuối học kỳ hai, điều này có nghĩa là học sinh phải học lại năm học.

**Úpravy hodnocení u žáků cizinců/žáků s odlišným mateřským jazykem / Thay đổi cách đánh giá đối với học sinh người ngoại quốc/học sinh có tiếng mẹ đẻ khác**

Úroveň znalosti českého jazyka u žáků s cizí státní příslušností se na základní škole považuje za závažnou souvislost, která ovlivňuje výkon žáka. Škola proto musí při hodnocení na vysvědčení přihlížet ke znalosti jazyka (vyhláška 48/2005, §15, odst. 6). Žák tedy nemůže být srovnáván s výkony spolužáků - rodilých mluvčí.

Škola může využít při vzdělávání žáků s odlišným mateřským jazykem různá **podpůrná opatření**, která doporučuje **Pedagogicko-psychologická poradna**. Žák, který nerozumí, nebo nedostatečně rozumí češtině, může mít doporučen např. **Individuální vzdělávací plán** (IVP), který může upravit vzdělávací obsah i způsob hodnocení. V IVP může být konkrétně uvedeno, za co a jakým způsobem je žák hodnocen (Žádost o IVP).

S IVP musí rodiče souhlasit a podepsat ho. V IVP je uveden také způsob spolupráce mezi školou a rodiči při vzdělávání dítěte.

Trình độ hiểu biết ngôn ngữ tiếng Séc đối với học sinh ngoại quốc tại trường tiểu học được coi là một điều quan trọng có thể ảnh hưởng đến hiệu suất của học sinh. Vì vậy nhà trường phải xem xét trình độ ngôn ngữ của học sinh khi đánh giá vào bảng tổng kết điểm (nghị định 48/2005, §15, đoạn 6). Không thể so sánh hiệu suất của học sinh với các bạn cùng lớp – những người bản ngữ.

Nhà trường có thể sử dụng nhiều **biện pháp hỗ trợ** trong việc giáo dục học sinh có ngôn ngữ mẹ đẻ khác, được khuyến nghị bởi **phòng tư vấn giáo dục – tâm lý.** Một học sinh không hiểu hoặc hiểu tiếng Séc chưa đủ có thể được khuyến nghị ví dụ **Kế hoạch giáo dục cá nhân** (IVP), có thể sửa đổi nội dung dảng dạy và cả cách đánh giá. Trong IVP có thể nêu rõ học sinh có thể được đánh giá về việc gì và bằng cách nào (Đơn xin IVP).

Phụ huynh phải đồng ý với IVP và phải ký tên. Trong IVP cũng có ghi cách hợp tác giữa nhà trường và phụ huynh trong việc giáo dục trẻ em.

**Jak je to u nás ve škole: / Tại trường chúng tôi thì như thế nào:**

1. Žáci jsou hodnoceni slovně / známkou / kombinací.

Học sinh có thể được đánh giá bằng lời / điểm / kết hợp.

1. Známky píše učitel do žákovské knížky / elektronické žákovské knížky.

Điểm được giáo viên viết vào sổ học bạ / học bạ điện tử.

Přístup do elektronického systému: / Phương thức truy cập hệ thống điện tử:

Web: / Trang web: 1………………………………

Jméno: / Tên: 2…………………………….

Heslo: / Mật khẩu: 3…………………………….

1. O prospěchu Vašeho dítěte budete pravidelně informován:

Về thành tích của con quý vị chúng tôi sẽ thông báo thường xuyên:

* 1. Na třídních schůzkách. Termíny: / Qua các buổi họp phụ huynh. Thời gian: 1……………………...
	2. Písemně každý měsíc / každé čtvrtletí / Qua văn bản hàng tháng / quý 2………………….
	3. Na konzultačních hodinách. Termíny: / Qua các giờ tư vấn. Thời gian: 3…………………